ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2015/QĐ-UBND	*Đồng Xoài, ngày 10 tháng 1 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định thực hiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 64/TTr-STC ngày 12/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thực hiện quản lý nhà nước về thẩm định giá tài sản nhà nước; phạm vi hoạt động thẩm định giá tài sản nhà nước; phân công tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước và chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá tài sản nhà nước của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cán bộ, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá tài sản nhà nước; cơ quan, tổ chức cử người và cá nhân được cơ quan, tổ chức đó cử tham gia Hội đồng thẩm

định giá; cơ quan, tổ chức, cá nhân có tài sản thẩm định giá hoặc có yêu cầu, đề nghị thẩm định giá; cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Mua sắm, sửa chữa, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong các trường hợp cụ thể như sau:

a) Mua sắm tài sản có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng trở lên hoặc mua một lần nhiều loại tài sản có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đối với tài sản được mua sắm bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Sửa chữa tài sản là động sản có tổng giá trị một lần sửa chữa từ 100 triệu đồng trở lên đối với tài sản được sửa chữa bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;

c) Thuê trụ sở làm việc, tài sản để phục vụ hoạt động trong các cơ quan nhà nước có giá thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật phải thẩm định giá;

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Việc đăng công khai thông tin tài sản nhà nước cần thẩm định giá được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật nhà nước;

4. Mua, bán, thanh lý tài sản nhà nước có giá trị lớn (mua tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với các đơn vị cấp tỉnh, từ 100 triệu đồng trở lên đối với các đơn vị cấp huyện; bán tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; thanh lý tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp quản lý tài sản nhà nước) mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân công thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

Điều 4. Yêu cầu, đề nghị thẩm định giá tài sản

1. Theo thẩm quyền quy định của pháp luật về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này lập hồ sơ yêu cầu hoặc đề nghị (sau đây gọi chung là đề nghị) thẩm định giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này xem xét, thẩm định.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định giá tài sản bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định giá tài sản;

b) Văn bản thuận chủ trương cho mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ý kiến về nguồn kinh phí đối với các trường hợp mua sắm, sửa chữa, đi thuê tài sản;

c) Danh mục tài sản thẩm định giá (chủng loại, số lượng, tình trạng, giá trị);

d) 3 (ba) bảng báo giá của các nhà cung cấp đối với trường hợp mua sắm, sửa chữa, đi thuê tài sản;

đ) Chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá (nếu có);

e) Chứng thư giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản cần thẩm định giá (nếu có);

g) Thông tin khác về tài sản cần thẩm định giá và các tài liệu khác có liên quan;

h) Trường hợp cần thiết phải có ý kiến thẩm định giá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này thì trong văn bản yêu cầu phải ghi rõ lý do yêu cầu có ý kiến thẩm định giá.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước

1. Phân công thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước, cụ thể như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước theo yêu cầu của UBND tỉnh;

- Thẩm định giá mua, bán, thanh lý tài sản nhà nước có giá trị lớn quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này theo yêu cầu thẩm định giá của UBND tỉnh;

- Thẩm định giá các tài sản do UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đầu tư mua sắm, sửa chữa bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này;

- Thẩm định giá các tài sản thuộc thẩm quyền thẩm định giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã nhưng Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã không đủ thông tin để thẩm định giá và có văn bản đề nghị Sở Tài chính hỗ trợ thẩm định giá.

b) Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước theo yêu cầu của UBND huyện, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện);

- Thẩm định giá mua, bán, thanh lý tài sản nhà nước có giá trị lớn quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này theo yêu cầu thẩm định giá của UBND cấp huyện;

- Thẩm định giá các tài sản do UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư mua sắm, sửa chữa bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này;

c) Theo thẩm quyền quy định của pháp luật về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được giao, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) tổ chức thực hiện thẩm định giá trong trường hợp cần thiết đối với các tài sản do đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc quyết định đầu tư mua sắm, sửa chữa bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 này).

2. Thủ trưởng Cơ quan nhà nước thực hiện thẩm định giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có quyền thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê thẩm định giá tài sản nhằm có thêm thông tin phục vụ cho việc thẩm định giá của cơ quan nhà nước. Kinh phí thuê thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định này.

Điều 6. Hội đồng thẩm định giá

1. Thủ trưởng Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá để thẩm định giá đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá

Hội đồng thẩm định giá được thành lập trong các trường hợp sau đây:

a) Thẩm định giá tài sản trên cơ sở kết quả xác định giá của tổ chức có đủ điều kiện thẩm định giá để bán chỉ định tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá nhận thấy cần thiết phải thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này;

c) Các trường hợp khác mà theo quy định của pháp luật có liên quan quy định phải thành lập Hội đồng thẩm định giá.

3. Thành phần của Hội đồng thẩm định giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

4. Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá.

5. Hội đồng thẩm định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá

1. Hội đồng thẩm định giá có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan có yêu cầu thẩm định giá hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản cần thẩm định giá hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản;

b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê thẩm định giá tài sản nhằm có thêm thông tin phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá. Kinh phí thuê thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định này;

c) Từ chối việc thẩm định giá tài sản trong trường hợp không có đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu quy định tại điểm a khoản 1 này;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thẩm định giá có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ trình tự thẩm định giá tài sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ ;

b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá tài sản;

c) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng thẩm định giá được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản.

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá

1. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có quyền:

a) Tiếp cận thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản;

b) Đưa ra nhận định, đánh giá của mình trong quá trình thẩm định giá;

c) Biểu quyết, để xác định giá của tài sản; trường hợp có ý kiến khác thì có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được ghi vào biên bản họp Hội đồng;

d) Được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên của Hội đồng thẩm định giá có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ trình tự thẩm định giá tài sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ;

b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận định, đánh giá của mình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

c) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan Nhà nước

1. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan Nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi và mức chi phục vụ cho việc thẩm định giá của cơ quan nhà nước:

a) Chi công tác phí trong nước và nước ngoài (nếu có), chi tổ chức các cuộc hội nghị thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Chi làm việc ban đêm, làm thêm ngoài giờ có liên quan đến thẩm định giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Chi thuê tổ chức giám định thực hiện việc giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng của tài sản, thuê thẩm định giá tài sản (nếu có) theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng;

d) Chi mua thông tin, dịch tài liệu, mua văn phòng phẩm, chi xăng xe, thuê phương tiện phục vụ công tác thẩm định giá tài sản theo thực tế phát sinh của từng trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành;

đ) Đối với những khoản chi liên quan đến hoạt động thẩm định giá không quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 này, Thủ trưởng cơ quan thực hiện thẩm định giá xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá lập dự toán ngân sách phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm phát sinh các nhiệm vụ đột xuất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, được lập bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

4. Việc chi thanh toán kinh phí phục vụ cho việc thẩm định giá của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

Điều 10. Chế độ báo cáo, thu thập, tổng hợp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cung cấp thông tin và quản lý nhà nước về thẩm định giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 10 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo, cập nhật thông tin vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về thẩm định giá

Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý tại địa phương.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

1. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Đối với các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008; Luật Giá ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương.

3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Những nội dung có liên quan đến thẩm định giá tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh trái với nội dung Quyết định này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT;
- Ban KTNS (HĐND tỉnh);
- Như Điều 12;
- LĐVP; Phòng KTTH;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tòng